

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5221/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2019*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 9940/TTr-STNMT-VP ngày 18 tháng 11 năm 2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <https://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx>.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP tại các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Công khai đầy đủ, kịp thời, chính xác các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại trụ sở nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

b) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

c) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật; không công khai quy trình nội bộ đã hết hiệu lực thi hành.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC  
THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5221/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ**

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình nội bộ</b>
	Lĩnh vực đo đạc bản đồ
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

**QUY TRÌNH****Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5221/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

<b>STT</b>	<b>Tên hồ sơ</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy tờ xuất trình: - Cá nhân: thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân; - Người đại diện cơ quan, tổ chức: thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân và giấy giới thiệu hoặc công văn của cơ quan, tổ chức.		

**II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ, LỆ PHÍ****• Nơi tiếp nhận, trả kết quả và thời gian giải quyết:**

<b>Nơi tiếp nhận và trả kết quả</b>	<b>Thời gian xử lý</b>
Bộ phận Một cửa - Sở Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1	Thực hiện ngay trong ngày làm việc.

• **Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ:**

Số tt	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy</b>			
1	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn	tờ	120.000	
2	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	tờ	130.000	
3	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	tờ	140.000	
4	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn	tờ	170.000	
<b>II</b>	<b>Bản đồ số dạng Vector</b>			
1	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	Nếu chọn lọc nội dung theo lớp dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau: a) Nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2; b) Nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; thực vật: thu bằng 1/6 mức thu
2	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	440.000	
3	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	670.000	
4	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	760.000	
5	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	950.000	
6	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000	mảnh	2.000.000	
7	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	mảnh	3.500.000	
8	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000	mảnh	5.000.000	
9	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
10	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	4.000.000	
11	Bản đồ hành chính tỉnh	bộ	2.000.000	
12	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	1.000.000	

Số tt	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
				theo mảnh
<b>III</b>	<b>Bản đồ số dạng Raster</b>	Mức thu bằng 50% bản đồ số dạng vector cùng tỷ lệ		
<b>IV</b>	<b>Dữ liệu ảnh hàng không</b>			
1	Dữ liệu ảnh hàng không kỹ thuật số	file	250.000	
2	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 16 $\mu\text{m}$	file	250.000	
3	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 20 $\mu\text{m}$	file	200.000	
4	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 22 $\mu\text{m}$	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:2.000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:5.000	mảnh	60.000	
7	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:10.000	mảnh	70.000	
8	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:25.000	mảnh	70.000	
9	Bình đồ ảnh số tỷ lệ 1:50.000	mảnh	70.000	
<b>V</b>	<b>Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia</b>			
1	Cấp 0	điểm	340.000	
2	Hạng I	điểm	250.000	
3	Hạng II	điểm	220.000	
4	Hạng III	điểm	200.000	Áp dụng cho cả các điểm địa chính cơ sở
<b>VI</b>	<b>Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia</b>			
1	Hạng I	điểm	160.000	
2	Hạng II	điểm	150.000	

Số tt	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
3	Hạng III	điểm	120.000	
<b>VII</b>	<b>Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia</b>			
1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
2	Hạng I	điểm	160.000	
3	Hạng II	điểm	140.000	
<b>VIII</b>	<b>Ghi chú điểm tọa độ quốc gia, độ cao quốc gia, trọng lực quốc gia</b>	tờ	20.000	
<b>IX</b>	<b>Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia</b>			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	1. Nếu chọn lọc nội dung theo dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau: a) Các dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu theo mảnh nhân với hệ số 1,2; b) Các dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; lớp phủ bề mặt: thu bằng 1/6 mức thu
2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	500.000	
3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	850.000	
4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	mảnh	1.500.000	
5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	

Số tt	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
				theo mảnh. 2. Nếu bản đồ số được kết xuất từ cơ sở dữ liệu và đã thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu thì không thu phí sử dụng bản đồ.
6	Mô hình số độ cao độ chính xác cao xây dựng bằng công nghệ quét lidar đóng gói theo mảnh tỉ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	200.000	
7	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 0.5 mét đến 5 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/2.000 hoặc tỷ lệ 1/5.000	mảnh	80.000	
8	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/10.000	mảnh	170.000	
9	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 5 mét đến 10 mét: - Đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000 - Đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000	mảnh mảnh	2.550.000 640.000	
10	Mô hình số độ cao độ chính xác tương ứng với khoảng cao đều 20 mét đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1/50.000	mảnh	300.000	



**III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**

<b>Bước công việc</b>	<b>Nội dung công việc</b>	<b>Trách nhiệm</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Hồ sơ/Biểu mẫu</b>	<b>Diễn giải</b>
B1	<b>Nộp hồ sơ</b>	Tổ chức, cá nhân trong nước hoặc Tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân nước ngoài	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	<b>Tiếp nhận hồ sơ</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường	30 phút	BM 01	- Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ. - Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.
B2	<b>Phân công thụ lý hồ sơ</b>	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	30 phút	Theo mục I	Phân công công chức thụ lý hồ sơ.
B3	<b>Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết</b>	Công chức thụ lý hồ sơ	60 phút	Theo mục I; Tờ trình; Dự thảo kết quả giải quyết TTHC	- Xem xét, kiểm tra, thẩm định hồ sơ; - Dự thảo kết quả giải quyết: + Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; hoặc + Văn bản từ chối (nêu rõ lý do). - Hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo Phòng xem xét.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4	<b>Xem xét, trình ký</b>	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	60 phút	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký tờ trình, ký nháy dự thảo kết quả giải quyết TTHC, trình Lãnh đạo Sở duyệt ký.
B5	<b>Ký duyệt</b>	Lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường	60 phút	Kết quả giải quyết TTHC	Xem xét hồ sơ, ký kết quả giải quyết TTHC: + Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ; hoặc + Văn bản từ chối (nêu rõ lý do).
B6	<b>Trả kết quả</b>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường	//	Kết quả giải quyết TTHC đã được ký duyệt	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

#### IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

#### V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ
2	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

## VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đo đạc và bản đồ 2018;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ.

- Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2017/TT-BTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ và Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ./.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**PHIẾU YÊU CẦU**  
**CUNG CẤP THÔNG TIN/DỮ LIỆU/ SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**  
**Số: .....**

**Không thuộc Danh mục bí mật nhà nước**

**Thuộc Danh mục bí mật nhà nước**

Kính gửi<sup>(1)</sup>: .....

Họ và tên: .....

Số thẻ Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu ..... cấp ngày.....  
tháng.....năm ... tại: ..... Quốc tịch (đối với người nước ngoài):.....

Đại diện cho (Bên yêu cầu cung cấp):.....

Địa chỉ: .....

theo công văn, giấy giới thiệu số:.....

Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ yêu cầu cung cấp:

STT	Danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Khu vực	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng (Ghi rõ tên đề án, dự án, công trình)

Bên yêu cầu cung cấp cam kết thực hiện, đồng thời thông báo cho người có liên quan đến quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện những quy định sau:

- Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đúng mục đích khi đề nghị cung cấp;
- Không cung cấp, chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác để sử dụng vào mục đích khác;
- Cam kết thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước (nếu có); không sử dụng thông tin, dữ liệu bản đồ được cung cấp để kết nối thành khu vực thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

**DUYỆT CUNG CẤP<sup>(1)</sup>**  
(Chức vụ, ký, họ tên, đóng dấu)

....., ngày .... tháng ..... năm .....  
**BÊN YÊU CẦU CUNG CẤP**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> - Thủ trưởng cơ quan, tổ chức cung cấp cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ duyệt cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ không thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Người có thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 21 Nghị định này duyệt cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước khi có văn bản đề nghị của cấp có thẩm quyền.

Mẫu số 09a

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC  
VÀ BẢN ĐỒ THUỘC DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ TỐI MẬT VÀ  
ĐỘ MẬT CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI**

Số:.....

Kính gửi<sup>(4)</sup>: .....

Tên tổ chức: .....

Người đại diện cơ quan, tổ chức .....

Quốc tịch.....Số hộ chiếu..... Chức vụ .....

Địa chỉ: .....

Căn cứ Nghị định số..... /2019/NĐ-CP ngày .... tháng....năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, tôi xin đề nghị được cấp các thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước như sau:

TT	Loại thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Khu vực	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng (Ghi rõ tên đề án, dự án, công trình)

Đại diện cho Bên yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, tôi đã nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về sử dụng, quản lý thông tin dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc Danh mục bí mật nhà nước. Tôi xin cam kết thực hiện, đồng thời thông báo cho người có liên quan đến quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện những quy định sau:

1. Thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước Việt Nam về quản lý và sử dụng tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước;
2. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích khi đề nghị cung cấp; không

cung cấp, chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác để sử dụng vào mục đích khác.

... .., ngày .... tháng ... .. năm ....

**BÊN YÊU CẦU CUNG CẤP**

(Ký, họ tên)

**1. Ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan<sup>(1)</sup>:** ..... (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh của người có thẩm quyền, ký tên, đóng dấu)

**2. Cơ quan, tổ chức duyệt cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật<sup>(2)</sup>:** ..... (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh của người có thẩm quyền, ký tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì chương trình, dự án hợp tác quốc tế có liên quan theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

(2) Cơ quan, tổ chức duyệt cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định này.

Mẫu số 09b

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC  
VÀ BẢN ĐỒ THUỘC DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC ĐỘ TỐI MẬT VÀ  
ĐỘ MẬT CHO CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI**

Số:.....

Kính gửi<sup>(1)(2)</sup>: .....

Họ và tên: .....

Hộ chiếu.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Căn cứ Nghị định số..... /2019/NĐ-CP ngày .... tháng....năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ, tôi xin đề nghị được cấp các thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước như sau:

TT	Loại thông tin, dữ liệu, sản phẩm	Khu vực	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng (Ghi rõ tên đề án, dự án, công trình)

Đại diện cho Bên yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, tôi đã nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về sử dụng, quản lý thông tin dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc Danh mục bí mật nhà nước. Tôi xin cam kết thực hiện, đồng thời thông báo cho người có liên quan đến quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện những quy định sau:

1. Thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước Việt Nam về quản lý và sử dụng tài liệu thuộc Danh mục bí mật nhà nước;
2. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích khi đề nghị cung cấp; không cung cấp, chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác để sử dụng vào mục đích khác.

....., ngày .... tháng .... năm ....

**BÊN YÊU CẦU CUNG CẤP**

(Ký, họ tên)



**1. Ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan<sup>(1)</sup>:** ..... (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh của người có thẩm quyền, ký tên, đóng dấu)

**2. Cơ quan, tổ chức duyệt cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật<sup>(2)</sup>:** ..... (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh của người có thẩm quyền, ký tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Cơ quan, tổ chức Việt Nam chủ trì chương trình, dự án hợp tác quốc tế có liên quan theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

(2) Cơ quan, tổ chức duyệt cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc bản đồ thuộc Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật, độ Mật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định này.